

CHỦ ĐỀ 8: ÔN TẬP VỀ TỪ

MÔN: NGỮ VĂN – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG - LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. Lý thuyết

Từ	Khái niệm	Phân loại
<i>Từ đơn</i>	Là từ do một tiếng có nghĩa tạo nên	
<i>Từ phức</i>	Là từ do hai hoặc nhiều tiếng tạo nên. Hiểu một cách đơn giản, từ phức chính là từ ghép. Ghép từ các tiếng giống nhau hoặc khác nhau tạo thành một từ có nghĩa.	Có 2 loại: + Từ ghép: là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa + Từ láy: là những từ có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là từ láy
<i>Từ láy</i>	Là loại từ được tạo thành từ hai tiếng trở lên. Các tiếng có cấu tạo giống nhau hoặc tương tự nhau về vần, tiếng đứng trước hoặc tiếng đứng sau. Trong các tiếng đó có một tiếng có nghĩa hoặc tất cả đều không có nghĩa nhưng ghi chép lại thành một từ có nghĩa	Có 2 loại: + Láy toàn bộ: các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn + Láy bộ phận: giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần
<i>Từ ghép</i>	Là từ gồm 2 tiếng ghép lại và có quan hệ về mặt ngữ nghĩa	Có hai loại: + Từ ghép chính phụ: có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa tiếng chính + Từ ghép đẳng lập: các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp
<i>Từ đồng âm</i>	Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì đến nhau	
<i>Từ đa nghĩa</i>	Là từ có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau	+ Nghĩa gốc: nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác + Nghĩa chuyển: nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc
<i>Từ mượn</i>	Là những từ vay mượn của nước ngoài giúp tạo sự phong phú, đa dạng cho ngôn ngữ Tiếng Việt	Có 3 loại: + Từ mượn tiếng Hán + Từ mượn của một số ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga... + Từ mượn Việt hóa
<i>Đại từ</i>	Là từ ngữ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi	Có hai loại: + Đại từ để trỏ: người, sự vật, số lượng, hoạt động, tính chất, sự việc + Đại từ để hỏi: người, sự vật, số lượng, hoạt động, tính chất, sự việc
<i>Danh từ</i>	Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm	Có hai loại: + Danh từ chỉ đơn vị: nêu tên đơn vị dùng để tính đếm, đo lường sự vật + Danh từ chỉ sự vật: nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng, khái niệm

Cụm động từ	Là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành	
Cụm tính từ	Là loại tổ hợp từ do tính từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành	

B. Bài tập

Câu 1: Từ phức bao gồm những loại nào dưới đây?

- A. Từ đơn và từ ghép
- B. Từ đơn và từ láy
- C. Từ đơn
- D. Từ ghép và từ láy

Câu 2: Khái niệm chính xác và đầy đủ nhất về từ là?

- A. Từ là yếu tố ngôn ngữ có nghĩa
- B. Từ là yếu tố ngôn ngữ nhỏ nhất được dùng tạo câu
- C. Từ là yếu tố ngôn ngữ có nghĩa, dùng độc lập, để tạo câu
- D. Từ được tạo thành từ một tiếng

Câu 3: Từ ghép là những từ như thế nào?

- A. Hai từ ghép lại với nhau trong đó có một từ chính và một từ phụ
- B. Hai từ ghép lại với nhau có quan hệ và âm thanh
- C. Hai tiếng trở nên ghép lại với nhau, có quan hệ với nhau về mặt ý nghĩa
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4: Từ nào dưới đây là từ ghép?

- A. Lập lách
- B. Mênh mông
- C. Thuồng luồng
- D. Đỏ au

Câu 5: Từ láy là gì?

- A. Là những từ có các tiếng lặp lại hoàn toàn, một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu, giống nhau phân phụ âm đầu hoặc phân vần
- B. Là những từ có các tiếng được ghép lại với nhau tạo thành
- C. Là những từ có sự đối xứng âm với nhau
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 6: Cụm danh từ là gì?

- A. Còn được gọi là ngữ danh từ, nhóm danh từ, danh ngữ
- B. Là một tập hợp do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành
- C. Cụm danh từ có ý nghĩa cụ thể, chi tiết hơn, có cấu tạo phức tạp hơn
- D. Cả ba đáp án trên

Câu 7: Tìm cụm danh từ đủ cấu trúc ba phần trong các câu sau:

- A. Tất cả lớp
- B. Một em học sinh lớp 6
- C. Con trâu
- D. Cô gái mắt biếc

Câu 8: Trong cụm động từ, các phụ ngữ ở phần phụ trước không có tác dụng bổ sung cho động từ các ý nghĩa nào?

- A. Quan hệ thời gian
- B. Chỉ cách thức hành động
- C. Sự tiếp diễn tương tự
- D. Sự khẳng định hoặc phủ định hành động

Câu 9: Cụm danh từ gồm mấy thành phần?

- A. Một tập hợp từ gồm tính từ chính, từ ngữ phụ thuộc đứng trước và đứng sau
- B. Gồm 3 phần, phụ ngữ trước, tính từ chính, phụ ngữ sau
- C. Tập hợp một số từ, có các từ chỉ mức độ (rất, hơi,...), chỉ sự phủ định (không, chưa, chẳng...)
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 10: Cụm tính từ thường đảm nhận chức vụ gì trong câu?

- A. Vị ngữ trong câu
- B. Trạng ngữ trong câu
- C. Chủ ngữ trong câu
- D. Bỏ ngữ trong câu

Câu 11: Muốn hiểu nghĩa đầy đủ của các từ đồng âm, cần làm gì?

- A. Tìm gặp người nói hoặc người viết
- B. Đặt các từ đó vào lời nói hoặc câu văn cụ thể
- C. Các đáp án trên đều đúng
- D. Các đáp án trên đều sai

Câu 12: Khoanh vào đáp án không chứa từ đồng âm

- A. Đồng sức đồng lòng
- B. Bằng mặt nhưng không bằng lòng
- C. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề
- D. Chung lưng đấu cật

Câu 13: Từ đa nghĩa là gì?

- A. Là từ có nghĩa đen và nghĩa bóng
- B. Là từ có từ một tới hai nghĩa trở lên
- C. Là từ có ít nhất từ hai nghĩa trở lên
- D. Là từ chỉ có một nghĩa nhưng nhiều cách hiểu

Câu 14: Đại từ “sao, thế nào” là đại từ dùng làm gì?

- A. Để hỏi
- B. Để trả số lượng
- C. Để hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc
- D. Để hỏi về người, sự vật

Câu 15: Lý do của việc mượn từ là gì?

- A. Do có thời gian dài bị nước ngoài đô hộ, áp bức
- B. Tiếng Việt cần sự vay mượn để đổi mới
- C. Do tiếng Việt chưa có từ để biểu thị, hoặc có từ nhưng biểu thị chưa chính xác
- D. Làm tăng sự phong phú của vốn từ tiếng Việt

II. Tự luận

Câu 1: Hãy sắp xếp các từ phức sau thành hai loại: từ ghép và từ láy

Từ ghép	
Từ láy	

Câu 2: Xếp các từ sau vào cột tương ứng: *châm chọc, châm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn, quần áo*

Từ ghép	
Từ láy	

Câu 3: Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa trong các dòng thơ sau:

- a. Trời thu **xanh ngắt** mấy tầng cao (Nguyễn Khuyến)
- b. Tháng Tám mùa thu **xanh thắm** (Tố Hữu)
- c. Một vùng cỏ mọc **xanh rì** (Nguyễn Du)
- d. Nhớ từ sông Hạ Long **xanh biếc** (Chế Lan Viên)
- e. Suối dài **xanh mướt** nương ngô (Tố Hữu)

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Đặt 4 câu có tiếng *nhà* mang 4 nghĩa sau:

- a) Nơi để ở

.....

b) Gia đình

.....

c) Người làm nghề

.....

d) Chỉ vợ (hoặc chồng) của người nói

.....

Câu 5: Tìm những từ Hán Việt tương ứng với các từ thuần Việt sau:

Từ thuần Việt	Từ Hán Việt
Cha mẹ	
Anh em	
Thiên	
Địa	
Trời	
Đất	
Sông núi	
Nhà thơ	
Lửa	
Gió	

Câu 6: Gạch chân vào đại từ trong các câu sau:

a. Chúng tôi thấy mùa hè nắng nóng, ai cũng sợ.

b. Đã bấy lâu nay bác tới nhà

Trẻ thời đi vắng chợ thời xa

c. Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.

d. Tôi đứng oai vệ

Câu 7: Tìm các danh từ chỉ đơn vị trong các câu sau:

a. Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây. (Số Dừa)

b. Vua vẽ một thời vàng, thấy còn nhỏ quá, lại vẽ một thời thứ hai lớn hơn. (Cây bút thần)

c. Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện ngẫu với nhau. (Thầy bói xem voi)

.....
.....
.....
Câu 8: Xác định cụm tính từ được sử dụng trong các câu sau:

- a. “Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát có vẻ vui lắm.”
- b. Hôm nay các nhân viên làm việc rất chuyên cần
- c. Nó chần chẫn như cái đòn càn
- d. Nó sùng sững như cái cột đình

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Trắc nghiệm

1 - D	2 - C	3 - C	4 - D	5 - A
6 - D	7 - B	8 - B	9 - B	10 - A
11 - B	12 - D	13 - C	14 - C	15 - C

II. Tự luận

Câu 1:

Hãy sắp xếp các từ phức sau thành hai loại: từ ghép và từ láy

sùng sùng, chung quanh, lủng củng, hung dữ, mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí

Phương pháp:

Ôn lại kiến thức về từ ghép và từ láy

Lời giải chi tiết:

Từ ghép	<i>chung quanh, hung dữ, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí</i>
Từ láy	<i>sùng sùng, lủng củng, mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai</i>

Câu 2:

Xếp các từ sau vào cột tương ứng: *châm chọc, chặm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn, quần áo*

Phương pháp:

Ôn lại kiến thức về từ láy và từ ghép

Lời giải chi tiết:

Từ ghép	<i>chặm chạp, mê mẩn, nhỏ nhẹ, mong mỏi, tươi tắn, vương vấn</i>
Từ láy	<i>châm chọc, mong ngóng, phương hướng, quần áo</i>

Câu 3:

Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa trong các dòng thơ sau:

- Trời thu **xanh ngắt** mấy tầng cao (Nguyễn Khuyến)
- Tháng Tám mùa thu **xanh thắm** (Tố Hữu)
- Một vùng cỏ mọc **xanh rì** (Nguyễn Du)
- Nhớ từ sóng Hạ Long **xanh biếc** (Chế Lan Viên)
- Suối dài **xanh mướt** nương ngô (Tố Hữu)

Phương pháp:

Ôn lại kiến thức về từ đồng âm

Lời giải chi tiết:

- Xanh ngắt: Xanh một màu xanh trên diện rộng.
- Xanh tươi: Xanh tươi đậm thắm.
- Xanh rì: Xanh đậm và đều như màu của cây cỏ rậm rạp.
- Xanh biếc: Xanh lam đậm và tươi ánh lên.
- Xanh mướt: Xanh tươi mỡ màng

Câu 4:

Đặt 4 câu có tiếng **nhà** mang 4 nghĩa sau:

- Nơi để ở
- Gia đình
- Người làm nghề
- Chỉ vợ (hoặc chồng) của người nói

Phương pháp:

Ôn lại kiến thức về từ nhiều nghĩa

Lời giải chi tiết:

- Ngôi **nhà** này có 4 tầng.
- Nhà** tôi có hai người làm bác sĩ
- Nhà** bác học Anh-xtanh đã tìm ra thuyết vạn vật hấp dẫn

d. Ông *nhà* tôi năm nay đã 60 tuổi

Câu 5:

Tìm những từ Hán Việt tương ứng với các từ thuần Việt sau:

Từ thuần Việt	Từ Hán Việt
Cha mẹ	
Anh em	
Thiên	
Địa	
Trời	
Đất	
Sông núi	
Nhà thơ	
Lửa	
Gió	

Phương pháp:

Ôn tập về từ mượn

Lời giải chi tiết:

Từ thuần Việt	Từ Hán Việt
Cha mẹ	
Anh em	
Thiên	
Địa	
Trời	
Đất	
Sông núi	
Nhà thơ	
Lửa	
Gió	

Câu 6:

Xác định đại từ trong các câu sau:

a. Chúng tôi thấy mùa hè nắng nóng, ai cũng sợ.

b. Đã bấy lâu nay bác tới nhà

Trẻ thời đi vắng chợ thời xa

c. Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.

d. Tôi đứng oai vệ

Phương pháp:

Ôn lại kiến thức về đại từ

Lời giải chi tiết:

a. Chúng tôi, ai

b. bác

c. tôi, nó

d. Tôi

Câu 7:

Tìm các danh từ chỉ đơn vị trong các câu sau:

a. Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây. (Sọ Dừa)

b. Vua vẽ một thỏi vàng, thấy còn nhỏ quá, lại vẽ một thỏi thứ hai lớn hơn. (Cây bút thần)

c. Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện ngẫu với nhau. (Thầy bói xem voi)

Phương pháp:

Ôn tập về danh từ

Lời giải chi tiết:

a. chĩnh, tấm, con, vò

b. thối

c. ông

Câu 8:

Xác định cụm tính từ được sử dụng trong các câu sau:

- a. “Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát có vẻ vui lắm.”
- b. Hôm nay các nhân viên làm việc rất chuyên cần
- c. Nó chân chắn như cái đòn càn
- d. Nó sùng sững như cái cột đình

Phương pháp:

Ôn tập kiến thức về cụm từ tính từ

Lời giải chi tiết:

- a. vui lắm
- b. rất chuyên cần
- c. chân chắn như cái đòn càn
- d. sùng sững như cái cột đình